CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO
GÓP Ý DỰ THẢO LUẬT GIÁ

Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2011

Chủ trì: - Ông Phạm Tuấn Khải, Vụ trưởng Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ;
- Ông Trần Hữu Huỳnh, Phó Tổng thư ký Phòng Thương mại và công nghiệp VN;
- Ông Phạm Vũ Anh, Phó cục trưởng Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính.

Thời gian	Nội dung	Thành phần
7:30 - 8:00	Đăng ký đại biểu	Văn phòng Chính phủ
8:00 - 8:10	Phát biểu khai mạc	Ông Phạm Tuấn Khải, Vụ trưởng Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ
8:10 – 8:40	Giới thiệu nội dung cơ bản của dự thảo Luật Giá	Ông Phạm Vũ Anh, Phó cục trưởng Cục quản lý Giá, Bộ Tài chính
8:40 - 8:50	Báo cáo dẫn đề Hội thảo	Ông Đinh Dũng Sỹ - Phó Vụ trưởng Vụ pháp luật – Văn phòng Chính phủ
8:50 – 9:45	Bình luận	- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Chủ tịch hội thẩm định giá; - Ông Nguyễn Minh Phong, Viện Nghiên cứu kinh tế xã hội Hà Nội; - Ông Vũ Đình Ánh, Viện nghiên cứu thị trường giá cả; - Ông Vũ Xuân Tiền, Giám đốc công ty VFAM; - Ông Trương Thanh Đức, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng hàng hải; - Bà Đoàn Thị Mai, Viện kinh tế - tài chính, Học viện tài chính
9:45 – 10:00	Giải lao	
10:00- 11:30	Thảo luận	
11:30 - 11:45	Kết luận, bế mạc	- Ông Phạm Tuấn Khải, Vụ trưởng Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ - Ông Trần Hữu Huỳnh, Phó Tổng thư ký VCCI.

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr - BTC	
	Hà Nội, ngày tháng năm 2011

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ
Về dự thảo Luật Giá

Thực hiện Nghị quyết số 48/2010/QH12 ngày 19/6/2010 của Quốc hội nhiệm kỳ thứ XII về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011, điều chỉnh xây dựng luật, pháp lệnh năm 2010 và bổ sung Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khoá XII; Nghị quyết số 939/NQ-UBTVQH12 ngày 07/7/2010 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2010 và bổ sung Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khoá XII; Quyết định số 1586/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo dự án Luật, Pháp lệnh của Chính phủ thuộc Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2011 của Quốc hội,

Bộ Tài chính đã phối hợp với các cơ quan có liên quan thành lập Ban soạn thảo triển khai xây dựng Dự thảo Luật giá. Sau một thời gian nghiên cứu, tổ chức thực hiện đúng và đủ quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật: thông qua việc tổng kết, đánh giá thực hiện pháp luật về quản lý, điều hành giá trong 8 năm qua (tính từ thời gian Uỷ ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh giá); tổ chức các cuộc hội thảo ở hai khu vực (một ở các tỉnh phía Bắc và một ở các tỉnh miền Trung và miền Nam) với thành phần tham gia của đại diện các Bộ, ngành, và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các doanh nghiệp lớn trong cả nước, và các nhà khoa học kinh tế; đăng tải trên Trang thông tin điện tử (Website) của Bộ Tài chính để lấy ý kiến tham gia của các đối tượng chịu tác động của chính sách và của các tầng lớp nhân dân; tổ chức lấy ý kiến tham gia bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp, các chuyên gia trong nước và ngoài nước; nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước để vận dụng vào thực tế Việt Nam. Sau khi tiếp thu các ý kiến tham gia và hoàn chỉnh dự thảo, đồng thời xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính trình Chính phủ về Dự thảo Luật Giá với những nội dung chủ yếu sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT GIÁ

1. Tình hình thực hiện pháp luật về giá

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng ta về đổi mới cơ chế kinh tế, theo hướng chuyển từ cơ chế hành chính tập trung, quan liêu bao cấp sang cơ

chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; ngày 26/4/2002 Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa X đã thông qua và ban hành Pháp lệnh Giá.

Ngay sau khi Pháp lệnh Giá có hiệu lực thi hành, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, các ngành, các địa phương soạn thảo và trình Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Giá; xây dựng và ban hành các Thông tư, Quyết định hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ quy định về giá theo thẩm quyền.

Sau khi Pháp lệnh Giá được ban hành, Nhà nước cũng đã ban hành một số luật có những nội dung quy định về quản lý điều hành giá như: Luật Cạnh tranh, Luật Điện lực, Pháp lệnh Bưu chính Viễn thông, Luật Đất đai năm 2003, Luật Dược, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Hàng không, Bộ Luật Hàng hải Việt Nam, Pháp lệnh Dự trữ quốc gia, Pháp lệnh chống bán pháp giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam,....

Trên cơ sở hệ thống luật được ban hành như trên, Chính phủ ban hành nhiều nghị định hướng dẫn thực hiện các luật. Các Bộ theo chức năng được giao cũng đã ban hành nhiều Thông tư hướng dẫn thực hiện các Nghị định của Chính phủ

Bộ Tài chính cũng đã phối hợp với các các Bộ, ngành trung ương đã ban hành nhiều Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành các quy định về quản lý giá tại các Nghị định của Chính phủ.

Ở địa phương, căn cứ vào quy định của Pháp lệnh Giá, Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính; hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá tại địa phương, đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác quản lý, điều hành giá tại địa phương.

1.1. Đánh giá chung về những kết quả đã đạt được

- Hệ thống pháp luật về giá được xây dựng, bổ sung, hoàn thiện, ban hành và tổ chức thực hiện trong những năm qua đã thể chế hóa được đường lối của Đảng về quản lý, điều hành giá trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nó đã trở thành một bộ phận quan trọng trong hệ thống pháp luật chung, tạo điều kiện cho nền kinh tế hoạt động theo pháp luật; góp phần tích cực vào việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính những quy định của hệ thống pháp luật đó trên thực tế đã mở đường cho việc chuyển từ cơ chế giá hành chính áp đặt sang cơ chế giá thị trường có sự kiểm soát của nhà nước. Thúc đẩy nhanh việc xoá bỏ các cơ chế từ chỗ nhà nước quyết định giá hầu hết các loại hàng hóa, dịch vụ trong nền kinh tế; thực hiện chế độ bao cấp qua giá cho cả nền kinh tế trong nhiều thập kỷ chuyển sang việc quy định giá cả được thực hiện theo cơ chế thị trường, nhà nước giảm mạnh quyền định giá trực tiếp; chỉ còn định giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ độc quyền, đất đai, mặt nước, tài nguyên quan trọng nhằm ngăn ngừa tình trạng độc quyền về giá, biến độc quyền Nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp. Nhà nước thực hiện việc quản lý, điều hành giá chủ yếu bằng các biện

pháp kinh tế vĩ mô, phù hợp dần với yêu cầu của cơ chế kinh tế thị trường và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; giảm mạnh việc bù lỗ, bù giá, bao cấp qua giá... giảm thiểu sự "méo mó" của hệ thống giá trong nền kinh tế.

- Hệ thống pháp luật về giá nhất quán khẳng định Nhà nước áp dụng cơ chế giá thị trường có sự quản lý của nhà nước: quyền tự định giá, cạnh tranh về giá theo quy định của pháp luật của các tổ chức, cá nhân sản xuất- kinh doanh được Nhà nước tôn trọng. Chính cơ chế đó đã tạo ra sự chuyển biến tích cực và bước ngoặt quan trọng cho sản xuất, kinh doanh thực sự được tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sản xuất, kinh doanh "lời ăn, lỗ chịu" theo các tín hiệu khách quan về cung cầu, giá cả trên thị trường; tạo ra những điều kiện để huy động, phân bổ và sử dụng hợp lý hơn nguồn lực của đất nước; góp phần tạo nên tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

- Hệ thống pháp luật về giá quy định cơ chế bình ổn giá, điều hành giá chủ yếu bằng các biện pháp kinh tế vĩ mô (điều hòa cung- cầu, thanh tra, kiểm tra; kiểm soát các yếu tố hình thành giá...) để tác động vào sự hình thành và vận động của giá cả, ngăn ngừa giá hàng hóa, dịch vụ biến động bất thường, không hợp lý, đã có tác dụng tích cực góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thực hiện an sinh xã hội. Cơ chế đó đã phù hợp với vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế theo cơ chế kinh tế thị trường và từng bước phù hợp với các cam kết quốc tế như xóa trợ cấp, trợ giá đối với hàng xuất khẩu; xóa chế độ hai giá, phân biệt đối xử, quy định giá tối đa, giá tối thiểu đối với hàng xuất khẩu...

- Phân định rõ trách nhiệm giữa trung ương, địa phương, các Bộ, các ngành, các doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý giá, bình ổn giá, hiệp thương giá. Đồng thời quy định các cơ chế đấu thầu, đấu giá, thẩm định giá, thỏa thuận giá, niêm yết giá thay cho các cơ chế định giá, phê duyệt giá đã góp phần làm cho thị trường hoạt động công khai hơn, giảm thiệu hoạt động của thị trường ngầm, làm cho hệ thống tín hiệu về giá trên thị trường mang tính khách quan hơn.

1.2. Những tồn tại, bất cập

Bên cạnh những kết quả nêu trên, hệ thống pháp luật về giá hiện hành đã xuất hiện những bất cập nhất định, cụ thể:

Thứ nhất, Pháp lệnh Giá quy định: Nhà nước tôn trọng quyền tự định giá và cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất - kinh doanh theo pháp luật. Tuy nhiên, Pháp lệnh lại chưa có quy định các cơ chế được cạnh tranh về giá như: đấu thầu, đấu giá, thỏa thuận giá...; đồng thời cũng chưa có quy định khi các tổ chức, cá nhân sản xuất - kinh doanh định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ theo các nguyên tắc, căn cứ nào để bảo đảm cho việc canh tranh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, Pháp lệnh giá quy định về các biện pháp bình ổn giá, trong đó có việc "trợ giá nông sản khi giá thị trường xuống quá thấp gây thiệt hại cho người sản xuất; trợ giá hàng hóa- dịch vụ quan trọng thiết yếu khác" không rõ

về phạm vi, mức độ nên bị coi là chưa thực hiện đúng với cam kết với WTO. Mặt khác, các biện pháp bình ổn giá, kiểm soát lạm phát gián tiếp vĩ mô rất có hiệu quả phù hợp với vai trò kinh tế của Nhà nước trong cơ chế kinh tế thị trường, với cam kết quốc tế lại chưa được quy định như các biện pháp về tài khóa, tiền tệ; các biện pháp về sử dụng Quỹ bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá, công khai thông tin về giá.

Thứ ba, có những quy định trong Pháp lệnh Giá chưa rõ hoặc khó thực hiện như vấn đề chống bán phá giá (không rõ chống bán phá giá hàng hóa trên thị trường nội địa hay chống bán phá giá hàng nhập khẩu- trong khi Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh chống bán giá giá hàng nhập khẩu); vấn đề kiểm soát giá độc quyền về đối tượng phải kiểm soát, các biện pháp kiểm soát...

Thứ tư, một số quy định về giá, thẩm định giá giữa Pháp lệnh Giá và các luật khác đã xuất hiện những nội dung không đồng bộ, không thống nhất, thậm chí mâu thuẫn, chồng chéo; cụ thể như:

- Về nội dung kiểm soát giá độc quyền giữa Pháp lệnh giá và Luật Cạnh tranh: Luật Cạnh tranh đã đưa ra các tiêu chí cụ thể về doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường liên kết với nhau "áp đặt giá mua, giá bán hàng hóa- dịch vụ bất hợp lý hoặc ấn định giá bán lại tối thiểu gây thiệt hại cho khách hàng". "Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới giá thành toàn bộ nhằm loại bỏ đối thủ cạnh tranh." Tuy nhiên, Pháp lệnh Giá chỉ nói đến liên kết độc quyền về giá chung chung mà không nêu được tiêu chí cụ thể thế nào thì được coi là liên kết độc quyền về giá.

Khi kiểm soát giá độc quyền, Pháp lệnh Giá chỉ nói đến là các tổ chức, cá nhân phải báo cáo chi phí sản xuất, lưu thông giá cả theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về giá và chế tài của Nhà nước là đình chỉ giá do tổ chức, cá nhân liên kết độc quyền quy định… Trong khi Luật Cạnh tranh đã quy định các biện pháp kiểm soát, cụ thể là: Nhà nước kiểm soát bằng việc quy định giá; đặt hàng, giao kế hoạch, đấu thầu theo giá hoặc phí do Nhà nước quy định.

- Về phương pháp xác định giá hàng hóa, dịch vụ: Pháp lệnh Giá không quy định về phương pháp xác định giá, nhưng Luật Thương mại có quy định về phương pháp xác định giá để thỏa thuận về giá; các luật chuyên ngành như Luật Đất đai, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng… đều có quy định "Chính phủ quy định phương pháp xác định giá…".

- Về nội dung liên quan đến thẩm định giá giữa Pháp lệnh Giá và Luật Kinh doanh bất động sản: Cùng là hoạt động tư vấn nhưng Pháp lệnh giá thì quy định là thẩm định giá, còn Luật Kinh doanh bất động sản thì quy định là định giá và nội hàm của hai khái niệm này cũng khác nhau. Định giá trong Luật Kinh doanh bất động sản là hoạt động tư vấn, xác định giá của một bất động sản cụ thể tại một thời điểm xác định; còn thẩm định giá trong Pháp lệnh Giá là việc đánh giá hoặc đánh giá lại giá trị của tài sản phù hợp với thị trường tại một địa điểm, thời điểm nhất định theo tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc thông lệ quốc tế. Mặt khác, Luật Kinh doanh bất động sản quy định người được cấp chứng

chỉ định giá bất động sản có điều kiện về trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên, không yêu cầu điều kiện về kinh nghiệm công tác và buộc những người đã được cấp thẻ thẩm định viên về giá theo quy định của Pháp lệnh Giá phải học bổ sung về định giá bất động sản mới được thẩm định giá bất động sản; trong khi Pháp lệnh Giá quy định điều kiện khi cấp thẻ thẩm định viên về giá là tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm công tác tối thiểu là 3 năm, có chứng chỉ đạt kết quả khóa học đào tạo, bồi dưỡng về chuyên ngành thẩm định giá, trong đó có thẩm định giá bất động sản và được quyền thẩm định giá tất cả các tài sản, kể cả bất động sản...).

Thứ năm, về thẩm định giá: Pháp lệnh Giá quy định hoạt động thẩm định giá được thực hiện dưới hình thức dịch vụ tư vấn do các doanh nghiệp có đủ điều kiện và năng lực cung ứng. Điều đó có nghĩa là đối với các tài sản nhà nước khi cần thiết phải thẩm định giá, các cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng hoặc mua sắm tài sản nhà nước đều phải thuê dịch vụ thẩm định giá của các doanh nghiệp thẩm định giá. Trong khi đó, vì mục đích kinh doanh hầu hết các doanh nghiệp thẩm định giá và các chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá được phát hành chứng thư thẩm định giá đều nằm ở các thành phố lớn hoặc ở các tỉnh có điều kiện kinh tế và thị trường bất động sản phát triển; (hiện tại có trên 88% doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá đóng tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ). Các địa phương khác, đặc biệt là các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa do không có doanh nghiệp hoặc chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá đóng trên địa bàn, lại xa các trung tâm nên gặp khó khăn lớn trong việc thẩm định giá (như chi phí thẩm định cao, không kịp thời) các tài sản nhà nước, nhất là khi mua sắm tài sản nhà nước.

Mặt khác, do chưa có quy định rõ về quyền và trách nhiệm của cơ quan tài chính tại địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động thẩm định giá, kết quả thẩm định giá nên dễ dẫn đến tình trạng móc ngoặc giữa doanh nghiệp thẩm định giá và những người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng tài sản nhà nước để thẩm định giá quá cao, còn khi mua sắm và thẩm định giá quá thấp khi bán hoặc thanh lý tài sản nhà nước gây thất thoát cho ngân sách nhà nước. Điều này đang đặt yêu cầu phải tăng cường công tác quản lý, kiểm tra hoạt động thẩm định giá của các doanh nghiệp thẩm định giá; đồng thời, thành lập tổ chức thẩm định giá của nhà nước để đáp ứng yêu cầu thẩm định giá các tài sản nhà nước.

Thứ sáu, về công tác kiểm tra, thanh tra giá: Pháp lệnh Giá quy định có thanh tra chuyên ngành về giá. Nhưng từ khi Ban Vật giá Chính phủ chuyển vào Bộ Tài chính thì tổ chức thanh tra giá được nhập vào Thanh tra tài chính nên không còn tổ chức thanh tra chuyên ngành giá. Do vậy, công tác kiểm tra, thanh tra giá gặp khó khăn mỗi khi có yêu cầu tổ chức các đợt kiểm tra, thanh tra giá hàng hoá, dịch vụ nào đó. Điều này đặt ra yêu cầu cần xây dựng một mô hình tổ chức kiểm tra, thanh tra giá phù hợp với điều kiện hiện nay và phù hợp với Luật Thanh tra mới được ban hành. Mặt khác, Pháp lệnh Giá chưa quy định các hành vi vi phạm pháp luật về giá và chế tài chung để xử lý các hành vi vi

phạm đó, vì vậy, chưa có cơ sở pháp lý cao để răn đe, ngăn ngừa đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vi phạm pháp luật về giá.

Thứ bảy, một số nội dung khác Pháp lệnh giá chưa quy định nên trong thực tế thực hiện cũng có những vướng mắc như quy định về áp dụng luật khi Pháp lệnh giá có những nội dung khác với các luật chuyên ngành thì áp dụng theo luật nào; hoặc nhiều từ ngữ, khái niệm chưa được giải thích đã tạo nên cách hiểu, vận dung xử lý trong thực tiễn gặp khó khăn như khái niệm giá thị trường, định giá, hiệp thương giá, giá bán buôn, giá bán lẻ, bình ổn giá, mặt bằng giá...

Chính vì có những tồn tại, bất cập nêu trên của hệ thống pháp luật về giá nên trong công tác quản lý, điều hành giá còn những tồn tại nhất định dẫn đến thiếu cơ chế cụ thể kiểm soát có hiệu quả tình trạng tăng giá bất hợp lý, trái pháp luật. Tình trạng độc quyền, liên minh độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh về giá nhằm thu lợi nhuận không chính đáng ở một số ngành, lĩnh vực làm phương hại đến lợi ích của người tiêu dùng chưa được kiểm soát một cách thích đáng. Tình trạng hạch toán gian lận chi phí sản xuất, chi phí đầu tư, tài sản cố định, chi phí góp vốn chưa được thẩm định đầy đủ. Chi phí tiền lương, tiền thưởng hạch toàn chưa đúng quy định, lãi suất và doanh lợi trên vốn bị giảm sút một cách không hợp lý. Những hiện tượng nâng giá đầu vào, tăng giá đầu ra không hợp lý của một số hàng hóa, dịch vụ làm giảm khả năng cạnh tranh; những hiện tượng lợi dụng sự biến động của giá thị trường, chủ trương điều chỉnh giá của Nhà nước để tăng giá không hợp lý chưa được kiểm soát tốt. Giá một số hàng hóa, dịch vụ chưa được tính đúng, tính đủ theo mặt bằng giá thị trường, có loại còn bao cấp, bù chéo... làm "méo mó" hệ thống giá trong nước do không phản ánh đúng giá trị hàng hóa, dịch vu dẫn đến thị trường ngầm, buôn lậu diễn biến phức tạp.

(Báo cáo cụ thể về tình hình thực hiện pháp luật về giá kèm theo).

2. Sự cần thiết ban hành Luật Giá

Từ việc đánh giá kết quả tình hình thực hiện pháp luật về giá nêu trên, Bộ Tài chính thấy cần thiết phải sửa và nâng Pháp lệnh Giá lên thành Luật Giá; nếu không như vậy sẽ dẫn đến:

(1) Không khắc phục được những tồn tại, bất cập đã nêu trên; không tạo được sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật về giá nói chung. Đồng thời không luật hóa được đầy đủ đường lối, chính sách của Đảng; chủ trương của nhà nước về việc nhất quán thực hiện cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của Nhà nước.

(2) Không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn quản lý, điều hành giá đặt ra trong bối cảnh phải đẩy nhanh việc hoàn thiện cơ chế, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế với phạm vi ngày càng rộng, mức độ ngày càng sâu và tính chất cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn.

(3) Không tạo được sự đồng bộ trong tổ chức, chỉ đạo quản lý, điều hành giá có hiệu quả theo quy định của pháp luật.

3. Kinh nghiệm quản lý giá của một số nước trên thế giới

Trên cơ sở khảo sát thực tế và nghiên cứu về cơ chế kiểm soát giá của những tài liệu hiện có cho thấy: Nhiều nước phát triển cũng như đang phát triển hiện nay tuy nền kinh tế đều được vận hành theo cơ chế thị trường, đặc biệt coi trọng việc cạnh tranh trong sản xuất, kinh doanh nói chung và cạnh tranh về giá nói riêng, thực hiện rộng rãi cơ chế giá do thị trường quyết định; nhưng vẫn thực hiện công tác điều tiết giá cả theo các mức độ nhất định và bằng những biện pháp thích hợp thông qua các biện pháp kinh tế vĩ mô (tài chính, tiền tệ, đầu tư, xuất nhập khẩu...) cũng như chính sách pháp luật về giá.

Malaysia ban hành Đạo luật kiểm soát giá cả vào năm 1946, lần sửa đổi gần đây nhất là năm 2006; Hàn Quốc với Luật Bình ổn giá (số 2798) cuối năm 1975; Úc ban hành Đạo Luật kiểm soát giá cả năm 1983; đến năm 2003, nội dung của luật này được tích hợp thành phần VIIA - Giám sát giá của Luật thực hành thương mại; Trung Quốc ban hành Luật giá cả năm 1998... Các biện pháp quản lý giá thường được áp dụng tại các nước này bao gồm: khuyến khích cạnh tranh về giá; định giá, hướng dẫn tính giá một số loại hàng hóa dịch vụ thiết yếu, quan trọng; thực hiện bình ổn giá như điều hòa cung cầu, kiểm soát yếu tố hình thành giá, thúc đẩy cạnh tranh, thông tin về giá; xử lý nghiêm những vi phạm pháp luật về giá; áp dụng chính sách lạm phát mục tiêu.

Tại Trung Quốc, Thái Lan, Pháp, Hàn Quốc, Niu Di-lân, Malaysia..., mặc dù quy định các doanh nghiệp được tự do định giá theo quy luật cạnh tranh, Chính phủ có thẩm quyền quyết định giá cố định hoặc giá hướng dẫn đối với một số ít danh mục hàng hoá có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế quốc dân và đời sống nhân dân hoặc những hàng hóa, dịch vụ cần sự kiểm soát của nhà nước.

Đối với các biện pháp bình ổn giá, bên cạnh các biện pháp như điều hoà cung cầu hàng hoá, dịch vụ; kiểm soát yếu tố hình thành giá khi có biến động; áp dụng các biện pháp thúc đẩy cạnh tranh, Trung Quốc, Hàn Quốc, Pháp, Bru-nây... đều quy định việc áp đặt giá (giá trần, giá tối đa, giá bảo hộ...) cho một số hàng hoá, dịch vụ quan trọng khi thị trường có những biến động bất thường. Các biện pháp thúc đẩy cạnh tranh được áp dụng bao gồm việc nghiêm cấm các hành vi thông đồng, thoả thuận, liên minh, liên kết, định giá không công bằng; nghiêm cấm các hành vi đầu cơ, tích trữ... (Trung Quốc, Pháp, Thái Lan...). Ngoài ra, các quốc gia cũng quy định việc thực hiện niêm yết giá công khai; tăng cường công tác cung cấp thông tin về giá, so sánh về giá đến người tiêu dùng tạo điều kiện cho họ có những phương án tiêu dùng hợp lý.

Việc xử phạt các hành vi vi phạm pháp luật về giá tại các quốc gia được thực hiện dưới hình thức xử phạt hành chính (phạt tiền) và phạt tù (Trung Quốc, Bru-nây, Pháp, Hàn Quốc...).

Về thẩm định giá, tại nhiều nước trên thế giới như Anh, Canada, Malaysia, Singapore..., thẩm định giá được chia làm hai lĩnh vực, thẩm định giá công và thẩm định giá tư căn cứ vào mục đích và đối tượng khách hàng của dịch vụ thẩm định giá. Các nước này đều có tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá dưới nhiều hình thức và tên gọi khác nhau, chẳng hạn như ở Singapore là Viện các nhà thẩm định giá và khảo sát Singapore (SISV); Malaysia là Viện các nhà giám định Malaysia (ISM) và Hiệp hội các nhà thẩm định giá khu vực tư nhân (PEPS); Úc có Viện Bất động sản Úc (API)...

Về tiêu chuẩn thẩm định giá, đa số các nước, ngoài trừ Pháp và Ý, đều đã công nhận và áp dụng tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế (IVS) do Ủy ban tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế (IVSC) xây dựng. Bên cạnh đó, nhiều quốc gia cũng ban hành các tiêu chuẩn thẩm định giá của riêng nước mình, như Pháp, Ý, Singapore, Malaysia, Thái Lan, Úc và Niu Di-lân. Hầu hết các nước đều quy định tiêu chuẩn đối với thẩm định viên về giá phải bao gồm các yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ và kinh nghiệm làm việc.

(*Chi tiết xem tại Báo cáo kinh nghiệm quản lý giá quốc tế*)

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG LUẬT GIÁ

1. Mục tiêu, yêu cầu của việc xây dựng Luật Giá

Một là, tạo ra một môi trường pháp lý công khai, minh bạch, phù hợp với đường lối của Đảng để thực hiện việc quản lý giá phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đồng thời phù hợp với các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

Hai là, tạo ra cơ chế để giá hàng hóa, dịch vụ được hình thành và vận động theo các quy luật kinh tế khách quan vốn có của giá cả trong nền kinh tế thị trường (giá trị, cung- cầu, cạnh tranh). Khẳng định bằng pháp luật Nhà nước tôn trọng quyền tự định giá, thỏa thuận giá và cạnh tranh về giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật, phù hợp với đòi hỏi của cơ chế kinh tế thị trường.

Ba là, Nhà nước thực hiện quản lý, điều hành giá chủ yếu bằng những biện pháp kinh tế vĩ mô, phù hợp với cơ chế thị trường để bình ổn giá, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh. Nhà nước chỉ còn quy định giá trực tiếp đối với một số hàng hóa, dịch vụ độc quyền; hàng hóa, dịch vụ công cộng nhằm khắc phục những khuyết tật của cơ chế thị trường.

Bốn là, thực hiện việc phân công, phân cấp quản lý giá rõ ràng, minh bạch, không chồng chéo giữa các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; giữa Trung ương và địa phương; giữa Nhà nước và doanh nghiệp. Đồng thời, xác định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc quản lý, điều tiết, chấp hành pháp luật Nhà nước về giá; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giá.

2. Quan điểm chỉ đạo và nguyên tắc xây dựng Luật Giá

Một là, phải cụ thể hóa và luật hóa đường lối của Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực giá bảo đảm vừa để thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường, tự do hóa giá cả, trọng tâm là thúc đẩy cạnh tranh công bằng về giá; vừa đảm bảo được vai trò quản lý của Nhà nước về giá, hướng vào việc thực hiện tốt chức năng của giá cả (hiệu quả, công bằng và ổn định) góp phần khắc phục những khuyết tật của nền kinh tế thị trường như: độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh, các hàng hoá, dịch vụ xã hội thiết yếu và khu vực mà kinh tế tư nhân không có khả năng hoặc ít quan tâm đầu tư như kết cấu hạ tầng, hàng hóa dịch vụ công cộng, v.v..

Hai là, phải trên cơ sở đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm thực tiễn thực hiện pháp luật về giá trong những năm qua và những yêu cầu đặt ra trong quản lý, điều hành giá trong thời gian tới. Luật Giá kế thừa những nội dung, những quy định của Pháp lệnh Giá còn phù hợp; thay thế, sửa đổi những nội dung không còn phù hợp (các căn cứ, nguyên tắc, phương pháp định giá, trợ giá...); bổ sung những nội dung mới về bình ổn giá, quản lý điều hành giá (tài khóa, tiền tệ, đăng ký giá, kê khai giá, mở rộng quyền tự chủ về giá...). Bảo đảm sự thống nhất giữa Luật Giá và các luật chuyên ngành có nội dung về giá, đồng thời bảo đảm để pháp luật về giá và các pháp luật có liên quan tạo thành một thể thống nhất trong hệ thống pháp luật của nước ta.

Ba là, tiếp thu, chọn lọc pháp luật về giá của các nước, vận dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam.

III. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN XÂY DỰNG DỰ THẢO LUẬT GIÁ

Theo quy định của Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Giá, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Bộ Tài Chính đã thành lập Ban soạn thảo Dự luật Giá và Tổ biên tập giúp việc cho Ban soạn thảo (thành lập ngày 16/04/2010);

2. Tổng kết và đánh giá thực trạng tình hình thực hiện pháp luật về giá trong những năm từ khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa X ban hành Pháp lệnh Giá: 2002 đến 2010 để đánh giá rút ra những thành công, những tồn tại và xác định nguyên nhân. Thông qua việc Bộ Tài chính có văn bản yêu cầu tất cả các cơ sở tài chính tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về giá; chủ trì cùng Ban soạn thảo, Tổ biên tập và Sở Tài chính các tỉnh tổ chức một số đoàn công tác khảo sát, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về giá tại 14 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trọng điểm và đại diện cho các khu vực và vùng.

3. Tổ chức nghiên cứu, biên dịch tài liệu (luật, các quy định về quản lý giá), tham khảo kinh nghiệm về quản lý giá và thẩm định giá của một số nước (như Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Ma-lay-xia, Thái Lan, Úc, Niu-Di lân...) rút ra

những bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể áp dụng được.

4. Xây dựng dự thảo Luật giá, báo cáo đánh giá tác động của dự thảo Luật giá để tiến hành tổ chức hai cuộc hội thảo (một cuộc hội thảo diện hẹp ở khu vực phía Bắc, một cuộc hội thảo diện rộng ở khu vực phía Nam) với đại diện các Bộ, ngành, các nhà khoa học, các Sở Tài chính; một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp thẩm định gía để lấy ý kiến góp ý vào dự thảo luật.

5. Hoàn chỉnh dự thảo sau các cuộc hội thảo gửi xin ý kiến các Bộ, các ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh; đăng tải dự thảo trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính theo quy định. Tiếp thu các ý kiến góp ý, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh lại và xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và đã hoàn chỉnh lần cuối để trình Chính phủ.

III. BỐ CỤC VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT GIÁ

1. Về bố cục

Luật Giá bao gồm 6 Chương và 64 Điều.

- Chương I: Những quy định chung gồm 6 Điều (từ Điều 1 đến Điều 7). Chương này quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; áp dụng luật; giải thích từ ngữ; nguyên tắc quản lý điều hành giá, căn cứ định giá và phương pháp định giá.

- Chương II: Quyền, nghĩa vụ, các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; gồm 3 Điều (từ Điều 8 đến Điều 10).

- Chương III: Điều hành giá của Nhà nước; gồm 21 Điều (từ Điều 11 đến Điều 31). Chương này có 5 mục, quy định các nội dung sau đây:

+ Mục 1: Bình ổn giá thị trường

+ Mục 2: Hoạt động quy định giá của Nhà nước

+ Mục 3: Hiệp thương giá

+ Mục 4: Kiểm soát các yếu tố hình thành giá

+ Mục 5: Kiểm soát giá độc quyền

+ Mục 6: Công khai thông tin về giá

- Chương IV: Thẩm định giá; gồm 22 Điều (từ Điều 32 đến Điều 52). Chương này chia thành 3 mục, quy định những nội dung dưới đây:

+ Mục 1: Quy định chung về hoạt động thẩm định giá

+ Mục 2: Tổ chức thẩm định giá

+ Mục 3: Thẩm định viên về giá

- Chương V: Quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá; gồm 10 Điều (từ Điều 53 đến Điều 62). Chương này chia thành 3 mục, quy định những nội dung sau đây:

+ Mục 1: Nội dung và thẩm quyền quản lý nhà nước về giá

+ Mục 2: Thanh tra giá

+ Mục 3: Khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm

- Chương VI: Điều khoản thi hành; gồm 2 Điều (Điều 63 và Điều 64). Chương này quy định về hiệu lực thi hành và hướng dẫn thi hành Luật.

2. Những nội dung cơ bản của Luật Giá

2.1. Về tên gọi

Trong chương trình đăng ký với Chính phủ và Quốc hội thì tên của luật dự kiến là "Luật Quản lý giá". Tuy nhiên, sau các cuộc hội thảo tiếp thu các ý kiến tham gia thì Bộ Tài chính đề nghị lấy tên là "Luật Giá" với lý do:

- Từ Luật đã bao hàm nội dung về quản lý.

- Để cụm từ "quản lý" trong các văn bản thường bị các tổ chức nước ngoài cho là nhà nước Việt Nam chưa thực hiện giá thị trường, do Nhà nước vẫn còn quản lý nên nền kinh tế chưa có cạnh tranh thực sự về giá.

- Hiện tại đang có "Pháp lệnh Giá", xã hội đã quen không có từ quản lý, do đó tên gọi Luật Giá là phù hợp.

2.2. Về những quy định chung (Chương I)

a) Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Dự thảo quy định phạm vi điều chỉnh của Luật là quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực giá hàng hóa, dịch vụ của các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế (gọi chung là tổ chức, cá nhân); hoạt động điều tiết giá hàng hóa, dịch vụ của Nhà nước; hoạt động thẩm định giá tài sản; quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá..

b) Đối tượng áp dụng (Điều 2)

Dự thảo Luật quy định gồm: Cơ quan nhà nước; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam; các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức sự nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Hiệp hội ngành hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam..

c) Về nguyên tắc quản lý, điều hành giá (Điều 5)

Xuất phát từ mô hình kinh tế tổng quát của nước ta là "nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa" thì giá cả cũng phải tuân thủ mô hình kinh tế tổng quát đó và phải là cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Nội dung đó đã được Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI xác định, đó là: "Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của Nhà nước." Vì vậy, Dự thảo Luật quy định ba nguyên tắc quản lý, điều hành giá:

Một là, thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, phù hợp với thông lệ quốc tế mà Việt Nam có cam kết hoặc tham gia.

Hai là, Nhà nước rời bỏ quyền định giá trực tiếp đối với đại bộ phận hàng hóa dịch vụ trong nền kinh tế đã hình thành thị trường cạnh tranh: "Nhà nước tôn trọng quyền tự định giá và cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh theo đúng pháp luật".

Ba là, Nhà nước sử dụng các biện pháp cần thiết cả về kinh tế và hành chính theo quy định của pháp luật để bình ổn giá, kiểm soát giá, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, của người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước.

Những nguyên tắc quản lý, điều hành giá của Dự thảo Luật này khẳng định ở mức cao hơn, đầy đủ hơn so với các nguyên tắc quản lý giá của Pháp lệnh Giá hiện hành.

d) Về căn cứ định giá (Điều 6)

Pháp lệnh Giá hiện nay chỉ quy định căn cứ định giá đối với tài sản, hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá.

Dự thảo Luật này quy định những căn cứ định giá chung cho cả các tài sản, hàng hoá, dịch vụ Nhà nước còn định giá, doanh nghiệp định giá và đã thể hiện rõ không chỉ căn cứ vào giá thành sản xuất, kinh doanh và chi phí lưu thông thực tế hợp lý gắn với chất lượng sản phẩm; đồng thời, phải căn cứ vào giá thị trường trong nước, thế giới và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, căn cứ vào quan hệ cung - cầu của hàng hóa, dịch vụ trên thị trường và sức mua của đồng tiền Việt Nam. Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá còn phải căn cứ vào chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chính sách tài khóa, tiền tệ của Nhà nước nói chung, chính sách phát triển ngành hàng nói riêng thuộc phạm vi cả nước hoặc từng vùng, từng địa phương quy định tại thời điểm cần định giá.

đ) Về phương pháp định giá (Điều 7)

Pháp lệnh giá không quy định phương pháp định giá, dự thảo luật có quy định giao Chính phủ hướng dẫn các phương pháp tính giá.

2.3. Về quyền, nghĩa vụ, các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (Chương II)

a) Về quyền của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (Điều 8): Khẳng định quyền cao nhất của doanh nghiệp mới hơn so với Pháp lệnh Giá có một số nội dung cơ bản:

- Được quyền quyết định giá mua, giá bán tài sản, hàng hoá, dịch vụ của mình (trừ hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá) theo quy định của Luật này và các luật khác có liên quan.

- Định mức giá cụ thể trong khung giá, giới hạn giá, cụ thể hoá mức giá chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

- Được quyền tham gia đấu thầu, đấu giá, thoả thuận giá, hiệp thương giá. Đây chính là các quyền được cạnh tranh về giá dưới sự bảo hộ của pháp luật.

- Được tố cáo, khiếu nại các hành vi xâm phạm quyền định giá của mình đã được pháp luật quy định, v.v..

b) Về trách nhiệm (Điều 9)

Trách nhiệm cao nhất mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đã được nhấn mạnh hơn Pháp lệnh Giá là: Chấp hành quy định pháp luật về quản lý giá; đồng thời, có những điểm mới quy định phải đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá, công khai thông tin về giá; giải quyết khiếu nại của người mua về giá hàng hoá, dịch vụ mà mình bán (hoặc mua) không đúng giá đã công bố hoặc hợp đồng đã giao kết. Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật.

c) Về các hành vi bị cấm (Điều 10)

Dự thảo Luật đưa ra 8 hành vi bị cấm đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực giá, như: Liên minh với các tổ chức, cá nhân khác để tác động làm sai lệch giá so với giá thị trường; chào giá hoặc áp dụng giá bán hàng hoá, dịch vụ cho người tiêu dùng quá thấp bất hợp lý so với giá thành toàn bộ; bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam; bịa đặt, tung tin thất thiệt làm cho giá hàng hóa, dịch vụ tăng quá cao hoặc giảm giá quá thấp bất hợp lý; áp dụng sai các căn cứ, nguyên tắc, phương pháp định giá; phân biệt giá (khác với phân hoá giá mùa đông, mùa hè); tăng giảm giá trá hình bằng cách thay đổi các cam kết về thời gian, địa điểm, điều kiện cung ứng, chất lượng hàng hoá, dịch vụ, v.v..

2.4. Về điều hành giá của Nhà nước (Chương III)

a) Về hàng hóa, dịch vụ phải áp dụng các biện pháp bình ổn giá (Điều 12)

Dự thảo Luật quy định hai tiêu chí cơ bản để quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ phải thực hiện bình ổn giá, đó là

- Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu đối với sản xuất và tiêu dùng.

- Hàng hóa, dịch vụ liên quan đến việc các doanh nghiệp vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị thế độc quyền, lạm dụng vị thế thống lĩnh thị trường theo quy định của luật cạnh tranh để quy định giá gây thiệt hại đến lợi ích của người tiêu dùng, của các tổ chức, cá nhân khác và của Nhà nước.

Danh mục cụ thể hàng hóa, dịch vụ phải áp dụng các biện pháp bình ổn giá giao cho Chính phủ quy định phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ.

b) Về các biện pháp bình ổn giá (Điều 13)

Những công cụ và biện pháp bình ổn giá mà dự thảo Luật đưa ra gồm

- Nhóm thứ nhất: Điều hoà cung cầu hàng hoá, dịch vụ thông qua điều chỉnh cung cầu hàng hoá sản xuất trong nước, hàng hoá xuất nhập khẩu, hàng hoá giữa các vùng miền và cả biện pháp mua vào hoặc bán ra hàng dự trữ quốc gia; kiểm soát hàng tồn kho của doanh nghiệp khi thị trường có những biến động bất thường.

- Nhóm thứ hai: Sử dụng các công cụ tài chính, tiền tệ để tác động vào giá cả.

+ Sử dụng chính sách tài khoá: Chính sách tài khoá là những quyết sách của Nhà nước sử dụng thuế và chi tiêu công cộng để điều tiết mức chi tiêu chung của nền kinh tế. Trong các biện pháp về tài chính có bổ sung biện pháp sử dụng các Quỹ bình ổn giá.

+ Sử dụng chính sách tiền tệ: chủ yếu là sử dụng hai công cụ: Lượng cung tiền và lãi suất. Cũng tuỳ thuộc vào trạng thái của nền kinh tế mà áp dụng chính sách tiền tệ thích hợp.

- Nhóm biện pháp thứ ba: Định giá trực tiếp khi giá thị trường có những biến động bất thường đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá...

+ Định giá thì dự thảo đưa ra các hình thức là: Quy định giá tối đa, giá tối thiểu, khung giá...

Những cách thức quy định giá nêu trên là những biện pháp hành chính sẽ giúp giá cả nhanh chóng ổn định; tuy nhiên, chỉ áp dụng khi cần thiết đối với hàng hoá, dịch vụ cần thiết và trong điều kiện thật sự cấp thiết; khi tình hình thị trường đã bình thường, phải dỡ bỏ ngay biện pháp này.

+ Trong nhóm biện pháp về giá để bình ổn giá này, dự thảo quy định một số biện pháp mới so với Pháp lệnh Giá hiện nay, là: Đăng ký giá, kê khai giá, công khai thông tin về giá, sử dụng các Quỹ bình ổn giá; các biện pháp hành chính khác theo quy định của Chính phủ.

Đồng thời, đối với biện pháp trợ giá thì quy định: "Áp dụng các biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với pháp luật và các cam kết quốc tế" nhằm loại trừ việc trợ giá trái với cam kết của nước ta khi gia nhập WTO như trợ giá cho những mặt hàng xuất khẩu.

c) Hoạt động định giá của Nhà nước (Điều 15 – Điều 19)

Bao gồm các nội dung cụ thể là hình thức định giá; Danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá; Cơ quan có thẩm quyền Nhà nước quyết định giá và điều chỉnh mức giá do Nhà nước quy định.

- Về các hình thức định giá, dự thảo đưa ra các hình thức mà Nhà nước có thể định giá tuỳ tính chất của từng loại hàng hoá, dịch vụ, gồm: Mức giá cụ thể, giá chuẩn; giá tối đa, giá tối thiểu; khung giá.

- Về danh mục thì dự thảo đưa định hướng là các loại hàng hoá, dịch vụ độc quyền Nhà nước, hàng hoá, dịch vụ công cộng. Việc xác định cụ thể danh

mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá giao cho Chính phủ rà soát, quy định tại văn bản dưới luật.

- Về thẩm quyền quyết định giá: Dự thảo giữ như Pháp lệnh Giá hiện nay là 4 cấp hành chính, gồm: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

d) Về hiệp thương giá (Điều 20 – Điều 22)

Dự thảo Luật quy định các nội dung về điều kiện tổ chức hiệp thương giá, thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá, kết quả hiệp thương giá.

- Về điều kiện tổ chức hiệp thương giá: Đối với hàng hoá, dịch vụ quan trọng không thuộc danh mục do Nhà nước định giá, nhưng được sản xuất, cung ứng trong điều kiện đặc thù, có tính chất độc quyền mua, độc quyền bán và các bên mua, bán phụ thuộc lẫn nhau không thể thay thế được, thị trường cạnh tranh hạn chế. Trong giao dịch trên thị trường nếu xảy ra tình trạng người mua và người bán không thỏa thuận được với nhau về giá. Trong trường hợp đó, khi có yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh; hoặc có đề nghị của một trong 2 bên mua, bán khi các bên này không thoả thuận được giá mua, giá bán để ký hợp đồng thì cơ quan quản lý nhà nước về giá có thẩm quyền tiến hành tổ chức hiệp thương giá theo một trình tự, thủ tục quy định.

- Về kết quả Hiệp thương giá:

+ Đối với trường hợp các bên thoả thuận thống nhất được mức giá mua bán thì sau khi hiệp thương cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá thông báo bằng văn bản để các bên thi hành.

+ Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá theo đúng quy định mà các bên vẫn chưa thoả thuận được mức giá thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá quyết định giá tạm thời để các bên thi hành cho đến khi các bên thoả thuận được mức giá nhằm kịp thời phục vụ sản xuất, kinh doanh.

e) Về kiểm soát các yếu tố hình thành giá (Điều 23 – Điều 25)

Dự thảo quy định hàng hoá, dịch vụ thuộc diện kiểm soát các yếu tố hình thành giá là: Hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Nhà nước; hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá; hàng hoá, dịch vụ có dấu hiệu liên kết độc quyền về giá; hàng hoá, dịch vụ có vị trí thống lĩnh thị trường theo quy định của Luật Cạnh tranh và những hàng hoá, dịch vụ khác theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng các Bộ, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục phải kiểm soát yếu tố hình thành giá, khi nhận được yêu cầu bằng văn bản về kiểm soát các yếu tố hình thành giá của cơ quan có thẩm quyền kiểm soát các yếu tố hình thành giá, có nghĩa vụ phối hợp và cung cấp kịp thời,

chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan theo quy định của cơ quan có thẩm quyền kiểm soát các yếu tố hình thành giá.

Để giúp các doanh nghiệp tính toán, quy định giá theo quy định của pháp luật thì dự thảo giao Bộ Tài chính ban hành Quy chế tính giá chung. Quy chế tính giá ấy còn làm căn cứ để cơ quan quản lý giá Nhà nước kiểm soát các yếu tố hình thành giá khi các doanh nghiệp lập, trình phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; kiểm soát các yếu tố hình thành giá khi thị trường có biến động bất thường, khi có dấu hiệu liên kết độc quyền về giá.

g) Về kiểm soát giá độc quyền (Điều 26 – Điều 30)

Dự thảo Luật Giá chỉ quy định kiểm soát giá độc quyền, còn các hành vi lạm dụng vị trí độc quyền để thao túng thị trường thì đã có quy định và điều chỉnh ở Luật Cạnh tranh.

Đối tượng kiểm soát giá độc quyền bao gồm là hàng hoá, dịch vụ được sản xuất, kinh doanh bởi các doanh nghiệp độc quyền nhà nước,doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh nghiệp có vị trí độc quyền và doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường.

Kiểm soát độc quyền là biện pháp các nước trên thế giới đều áp dụng, các biện pháp thì rất đa dạng, khái quát lại có những biện pháp sau:

- Quy định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu, khung giá;

- Thực hiện việc đấu thầu, đấu giá; đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh theo giá phí do Nhà nước quy định đối với sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Kiểm soát các yếu tố hình thành giá; kiểm soát chi phí sản xuất, chi phí lưu thông, giá hàng hóa, dịch vụ.

h) Về công khai thông tin về giá (Điều 31)

Dự thảo quy định: Cơ quan có thẩm quyền quản lý Nhà nước về giá có trách nhiệm công khai những thông tin về giá, bao gồm:

- Các chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý giá của Nhà nước;

- Các quyết định giá của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về giá đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.

Quy định về công khai thông tin về giá của cơ quan quản lý Nhà nước về giá nhằm góp phần bảo đảm các chính sách về giá, thông tin về giá cả công khai, minh bạch.

2.5. Về thẩm định giá (Chương IV)

a) Quy định chung về hoạt động thẩm định giá (Điều 32 đến Điều 37).

Dự thảo Luật quy định rõ hoạt động thẩm định giá là một loại hình hoạt động có điều kiện và phải tuân thủ theo những nguyên tắc hoạt động thẩm định giá.

- Về nguyên tắc hoạt động thẩm định giá (Điều 33): Thẩm định giá là một công viên chuyên môn có tính chuyên nghiệp cao nhằm tư vấn hoặc tham mưu cho người có thẩm quyền (đối với tài sản nhà nước) hoặc cho các chủ nhân của các tài sản quyết định mức giá tài sản của mình khi tham gia một giao dịch nào đó; vì vậy, nguyên tắc hoạt động thẩm định giá được quy định theo quy định chung về nguyên tắc hoạt động tư vấn.

- Về đối tượng thẩm định giá (Điều 35): Dự thảo quy định đối tượng thẩm định giá gồm 2 nhóm tài sản. Một là, các bất động sản; động sản bao gồm cả máy móc, thiết bị và các hàng hoá, dịch vụ; giá trị doanh nghiệp; rừng; quyền khai thác các loại tài nguyên, khoáng sản, kết cấu hạ tầng; quyền sở hữu trí tuệ và các tài sản vô hình khác; các tài sản tài chính (các loại giấy tờ có giá); tài sản, hàng hoá, dịch vụ khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Hai là, các tài sản nhà nước phải thẩm định giá theo quy định của Luật Quản lý và sử dụng tài sản nhà nước.

- Về kết quả thẩm định giá (Điều 36): Dự thảo quy định kết quả thẩm định giá được sử dụng để tham khảo (tư vấn) cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân quyết định giá tài sản của mình khi tham gia vào một giao dịch nhất định trên thị trường.

- Về tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá (Điều 36): Dự thảo Luật quy định nội dung mang tính nguyên tắc về tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá. Theo đó tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá được thành lập theo quy định của pháp luật về Hội, có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về thẩm định giá. Tổ chức nghề nghiệp được thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến hoạt động thẩm định giá được cơ quan nhà nước giao.

b) Về tổ chức thẩm định giá (từ Điều 38 đến Điều 45)

Dự thảo Luật quy định tổ chức thẩm định giá bao gồm các doanh nghiệp thẩm định giá và tổ chức thẩm định giá của Nhà nước. Việc quy định tổ chức thẩm định giá của Nhà nước là điểm mới so với Pháp lệnh Giá xuất phát từ yêu cầu thực tế cũng như từ kinh nghiệm của các nước trong khu vực và thế giới nhằm phục vụ cho việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước có hiệu quả hơn.

Thẩm định giá của nhà nước chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá tài sản được mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước; các tài sản của nhà nước cho thuê, đi thuê, chuyển nhượng, bán, thanh lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Còn doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện thẩm định giá đối với tất cả các loại tài sản mà xã hội có nhu cầu thẩm định giá kể cả tài sản mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước khi có yêu cầu.

- Về doanh nghiệp thẩm định giá (Điều 38): Dự thảo Luật quy định: Doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập và hoạt động bất kỳ loại hình doanh nghiệp nào mà Luật Doanh nghiệp đã quy định, tức là có 04 hình thức doanh nghiệp: Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Trên thực tế hoạt động thẩm định giá trong những năm vừa qua cho thấy mỗi loại hình doanh nghiệp thẩm định giá đều có những ưu và nhược điểm riêng của nó và đều có thể thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ thẩm định giá theo đúng quy định của pháp luật.

- Về điều kiện thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá (Điều 40 và Điều 41):

Dự thảo Luật quy định hai điều kiện: Một là, có đủ các điều kiện về thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tương ứng với loại hình doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân dự kiến thành lập.

Hai là, có đủ số người có Thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá theo quy định của Chính phủ.

Điểm mới trong quy định về điều kiện thành lập doanh nghiệp thẩm định giá là người đại diện pháp luật của doanh nghiệp hoặc đại diện trước pháp luật của doanh nghiệp về lĩnh vực thẩm định giá phải là thẩm định viên về giá có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm hành nghề thẩm định giá.

Trong quá trình hoạt động thẩm định giá, doanh nghiệp phải bảo đảm có đủ số lượng thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề theo quy định của pháp luật.

Để bảo đảm các doanh nghiệp luôn thực hiện đúng điều kiện thành lập và hoạt động, dự thảo Luật giao Bộ Tài chính chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát điều kiện thành lập và điều kiện hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá và thông báo doanh nghiệp có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá.

- Về hoạt động của tổ chức thẩm định giá nước ngoài (Điều 44):

Khi gia nhập WTO chúng ta không có cam kết mở cửa dịch vụ thẩm định giá, nên về nguyên tắc chúng ta có thể quy định không mở cửa cho các tổ chức thẩm định giá nước ngoài thực hiện thẩm định giá tại Việt Nam. Tuy nhiên, để thúc đẩy sự phát triển nghề thẩm định giá nước ta phù hợp với thông lệ của khu vực và quốc tế, nâng cao tiêu chuẩn và chất lượng cung ứng dịch vụ thẩm định giá, Bộ Tài chính đề nghị vẫn nên quy định mở cửa dịch vụ thẩm định giá trong phạm vi và hình thức nhất định; giao cho Chính phủ quy định cụ thể về vấn đề này phù hợp với điều kiện thực tế về trình độ quản lý cũng như lộ trình mở cửa thị trường loại hình dịch vụ này của nước ta.

c) Về Thẩm định viên về giá (từ Điều 46 đến Điều 52).

Mục này quy định tiêu chuẩn thẩm định viên về giá; điều kiện thi lấy thẻ thẩm định viên về giá; thẩm định viên về giá của nhà nước; điều kiện hành nghề của thẩm định giá; cá nhân không được đăng ký hành nghề thẩm định giá tại các doanh nghiệp thẩm định giá; quyền và nghĩa vụ của thẩm định viên về giá; những hành vi bị cấm đối với thẩm định viên về giá.

Thẩm định giá là một nghề có tính chuyên nghiệp cao nên chỉ có những người có đầy đủ điều kiện năng lực chuyên môn, phẩm chất và kinh nghiệm công tác nhất định mới có thể thẩm định giá tài sản một cách chính xác và khách quan.

- Về Tiêu chuẩn thẩm định viên về giá và điều kiện thi lấy thẻ thẩm định viên về giá (Điều 46 và Điều 47)

Tiêu chuẩn quan trọng nhất đối với thẩm định viên về giá là phải có Thẻ thẩm định viên về giá.

Điều kiện thi lấy thẻ thẩm định viên về giá bao gồm:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành thẩm định giá, kinh tế và các chuyên ngành khác liên quan đến thẩm định giá.

+ Có thời gian làm việc tại các tổ chức thẩm định giá hoặc tại các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính, giá cả tối thiểu là 3 năm.

- Về điều kiện hành nghề thẩm định giá (Điều 49)

Được cấp thẻ thẩm định viên về giá là điều kiện cần để hành nghề thẩm định giá.

Tuy nhiên, thẩm định viên về giá không được hành nghề riêng lẻ, bởi vì theo quy định hiện hành của pháp luật về hoạt động tư vấn nói chung thì những người có đủ tiêu chuẩn làm nghề tư vấn thì phải hành nghề trong một tổ chức có đủ tiêu chuẩn quy định của pháp luật. Vì vậy, dự thảo Luật quy định thẩm định viên về giá muốn hành nghề thẩm định giá phải đăng ký hành nghề ở một doanh nghiệp thẩm định giá hoặc làm công tác thẩm định giá ở một cơ quan nhà nước có chức năng thẩm định giá.

- Về thẩm định viên về giá của Nhà nước (Điều 49)

Dự thảo quy định thẩm định viên về giá của Nhà nước là người đã được cấp Thẻ thẩm định viên về giá đang làm công tác giá tại các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính, giá cả. Thẩm định viên về giá của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá tài sản của Nhà nước phải thẩm định giá, và không được đăng ký hành nghề tại các doanh nghiệp thẩm định giá.

2.6. Về quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá

- Về nội dung quản lý nhà nước về giá (Điều 53): Nội dung chủ yếu là xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá; quyết định giá một số ít hàng hóa, dịch vụ độc quyền; Thu thập, phân tích thông tin và dự báo giá thị trường; kiểm tra, thanh tra giá; nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, v.v.

- Về thẩm quyền quản lý giá (Điều 54): Quy định 3 cấp có thẩm quyền là Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và 01 người có thẩm quyền là Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quản lý nhà nước về giá.

- Về thanh tra giá (Điều 56 – Điều 58)

Dự thảo quy định thanh tra giá được tổ chức theo mô hình thanh tra chuyên ngành. Điều đó phù hợp với quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 3 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12.

- Về xử lý vi phạm trong lĩnh vực giá (Điều 59 – Điều 61)

Dự thảo quy định chung những hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giá và thẩm định giá, đồng thời, quy định quy định những chế tài chủ yếu xử lý các hành vi vi phạm này.

Giao Chính phủ quy định cụ thể xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá trong văn bản dưới luật.

IV. CÁC Ý KIẾN KHÁC NHAU TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT GIÁ (*Sẽ đề cập sau khi tổng hợp các ý kiến tham gia*)

1. .....

2. .....

.....

Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét thông qua và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng CP;
- Các Ủy ban của Quốc hội: KT, PL;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CQLG.

BỘ TRƯỞNG